

# Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải: thực trạng pháp luật và giải pháp hoàn thiện

Hoàng Thị Lệ Mỹ

Trường ĐH Kinh tế và Quản trị kinh doanh, ĐH Thái Nguyên

Hiện nay, nước thải đang là một trong những nguồn gây ô nhiễm chính môi trường đất, nước, không khí. Để có vốn đầu tư, khắc phục và cải thiện môi trường cũng như khuyến khích các đối tượng gây ô nhiễm có biện pháp kiểm soát và giảm thiểu ô nhiễm, Nhà nước ta đã xây dựng chương trình thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải như một giải pháp sử dụng các công cụ kinh tế bảo vệ môi trường. Việc tìm hiểu quy định pháp luật hiện hành và đưa ra giải pháp hoàn thiện vấn đề phí bảo vệ môi trường đối với nước thải nhằm góp phần nâng cao hiệu quả của công cụ kinh tế này.

## 1. Đặt vấn đề

Hiện nay nước thải, khí thải và các chất thải của các cơ sở sản xuất kinh doanh, hộ gia đình, nhà hàng... đang là nguồn gây ô nhiễm chính môi trường đất, nước, không khí. Để có vốn đầu tư, khắc phục và cải thiện môi trường cũng như khuyến khích các đối tượng gây ô nhiễm có biện pháp kiểm soát và giảm thiểu ô nhiễm, Nhà nước ta đã xây dựng chương trình thu phí bảo vệ môi trường (BVMT) như một giải pháp sử dụng các công cụ kinh tế bảo vệ môi trường.

Phí BVMT được áp dụng với 2 mục đích: một là để chi cho các hoạt động cải thiện môi trường sinh thái, hai là khuyến khích người gây ô nhiễm giảm lượng chất ô nhiễm thải ra môi trường. Như vậy, phí BVMT là những khoản tiền phải trả cho việc sử dụng môi trường với tư cách là nơi chứa đựng chất thải.

## 2. Thực trạng các quy định của pháp luật về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải

### 2.1. Đối tượng chịu phí

Theo quy định tại Nghị định 154/2016/NĐ-CP của Chính phủ về phí BVMT đối với nước thải thì đối tượng chịu phí BVMT đối với nước thải là nước thải công nghiệp và nước thải sinh hoạt. Nước thải công nghiệp là nước từ các cơ sở sản xuất, cơ sở chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản và các cơ sở sản xuất khác xả thải ra môi trường. Nước thải sinh hoạt là nước thải từ các hộ gia đình, tổ chức khác.

Nghị định số 154 cũng quy định không thu phí BVMT đối với nước thải trong các trường hợp sau:

- Nước xả ra từ các nhà máy thủy điện, nước tuần hoàn trong các cơ sở sản xuất, chế biến mà không thải ra môi trường dưới bất kỳ hình thức nào (chất rắn, chất lỏng, chất khí);
- Nước biến động để sản xuất muối xả ra;
- Nước thải sinh hoạt của hộ gia đình ở địa bàn đang được Nhà nước thực hiện chế độ bù giá để có giá nước phù hợp với đời sống kinh tế - xã hội;
- Nước thải sinh hoạt của hộ gia đình ở các xã thuộc vùng nông thôn và những nơi chưa có hệ thống cấp nước sạch.
- Nước làm mát thiết bị, máy móc không trực tiếp tiếp xúc với các chất gây ô nhiễm, có đường thoát riêng;
- Nước mưa tự nhiên chảy tràn (trừ diện tích thuộc khu vực nhà máy hóa chất);
- Nước thải từ các phương tiện đánh bắt thủy, hải sản của ngư dân;
- Nước thải sinh hoạt tập trung do đơn vị quản lý, vận hành hệ thống thoát nước tiếp nhận và đã xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quy định xả thải ra môi trường.

Như vậy, Nghị định đã liệt kê những đối tượng chịu phí và những trường hợp không phải đóng phí BVMT đối với nước thải nhưng vẫn còn chung chung, khó xác định. Cụ thể, "nước tuần hoàn trong các cơ sở sản xuất" thì có tiêu chí nào để xác định cụ thể, có cần thiết ghi nhận đây là trường hợp không phải đóng phí BVMT đối với nước thải? Vì vậy, cần bổ sung quy định chi tiết hơn đối với trường hợp này.

## 2.2. Đối tượng nộp phí

Theo quy định tại Nghị định 154/2016/NĐ-CP, tổ chức, cá nhân (bao gồm cả chủ hộ gia đình) xả nước thải quy định tại Điều 2 Nghị định này là người nộp phí BVMT đối với nước thải. Theo đó, chủ các cơ sở chăn nuôi, giết mổ gia súc, gia cầm tập trung, nuôi trồng thủy sản, cơ sở khai thác khoáng sản... được quy định là đối tượng chịu phí BVMT đối với nước thải công nghiệp.

Tuy nhiên, trên thực tế rất khó có thể xác định được quy mô tập trung như thế nào thì phải nộp phí BVMT đối với nước thải công nghiệp. Tại các vùng nông thôn, hầu hết các cơ sở chăn nuôi gia súc, gia cầm hay nuôi trồng thủy sản chủ yếu chỉ ở quy mô nhỏ lẻ, lượng nước thải phát sinh cũng không lớn, nên sẽ rất khó khăn nếu buộc nông dân phải khảm thêm khoản phí cố định 1,5 triệu đồng/năm. Ngoài ra, trong hoạt động khai thác khoáng sản, nước thải từ khai thác khoáng sản chủ yếu là nước mưa hoặc với các loại hình như khai thác cát thì không sử dụng nước nhưng lại nằm trong đối tượng phải nộp phí BVMT với nước thải. Quy định này khiến các ngành chức năng khó khăn trong việc tính toán lưu lượng nước thải và áp dụng mức thu cho các đơn vị này cũng như không đảm bảo công bằng cho mọi đối tượng nộp phí.

## 2.3. Mức thu phí

Điều 7 Nghị định 154/2016/NĐ-CP đã có quy định cụ thể liên quan tới mức phí BVMT đối với nước thải. Nghị định quy định phí BVMT đối với nước thải công nghiệp cố định phải nộp là 1,5 triệu đồng/năm, cộng thêm với phí biến đổi, tính theo tổng lượng nước thải ra và hàm lượng thông số ô nhiễm. Tuy nhiên, trên thực tế, có nhiều cơ sở sản xuất, chế biến có quy mô và tính chất hoạt động, khối lượng nước thải cũng khác nhau, nhất là các cơ sở cơ khí, may mặc,... có lượng nước thải ít. Đồng thời, mức phí cố định 1,5 triệu đồng/năm áp dụng chung cho tất cả các cơ sở xả thải dưới 20m<sup>3</sup>/ngày đêm là không phù hợp.

## 2.4. Thẩm quyền quy định mức phí

Điều 3 Nghị định 154/2016/NĐ-CP quy định cơ quan thu phí BVMT đối với nước thải gồm: Sở Tài nguyên và Môi trường thu phí BVMT đối với nước thải công nghiệp. Đơn vị cung cấp nước sạch thu phí BVMT đối với nước thải sinh hoạt của các tổ chức, cá nhân sử dụng nước sạch. Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn thu phí BVMT đối với nước thải sinh hoạt của các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình tự khai thác nước để sử dụng.

Ngoài ra, Nghị định cũng quy định công tác tổ chức thu phí, trách nhiệm và nghĩa vụ của các cơ quan tại địa phương như Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp quận huyện; cơ quan thuế; Sở Tài chính và đơn vị cung cấp nước sạch tại

địa phương trong việc thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải.

## 3. Một số kiến nghị và giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải

### 3.1. Một số kiến nghị hoàn thiện pháp luật về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải

Hiện nay, Nghị định 154/2016/NĐ-CP đã có những quy định cụ thể về phí BVMT đối với nước thải, tuy nhiên, theo tác giả, để có thể thực thi có hiệu quả hơn nữa công cụ kinh tế này thì cần phải:

- Nhanh chóng ban hành các quy định hướng dẫn việc xác định cơ sở chăn nuôi, giết mổ gia súc, gia cầm có quy mô tập trung, giới hạn hơn nữa các hoạt động khai thác khoáng sản không phải nộp phí BVMT đối với nước thải. Theo Bộ Tài chính, về trường hợp "nước tuần hoàn trong các cơ sở sản xuất" thì chưa có cơ sở tính phí và thu phí do chưa thải ra môi trường. Chính vì vậy, tác giả đồng ý hoàn toàn đồng tình vấn đề không cần quy định thuộc diện miễn phí đối với trường hợp này.

- Ban hành các văn bản hướng dẫn triển khai thực hiện việc đo lường, khảo sát và thẩm định tổ khai tại các doanh nghiệp ở từng địa phương phục vụ công tác tính toán lượng chất gây ô nhiễm trong nước thải công nghiệp. Trên cơ sở căn cứ vào quy mô và tính chất hoạt động, khối lượng nước thải của từng cơ sở sản xuất để nâng cao mức thu phí đối với nước thải công nghiệp. Từ đó có cơ sở để xác định chính xác mức phí nộp cụ thể.

### 3.2. Một số giải pháp nhằm đảm bảo thực thi có hiệu quả phí bảo vệ môi trường đối với nước thải

Thứ nhất, kiện toàn bộ máy thu phí ở các cấp từ trung ương đến địa phương, phát huy tính chủ động sáng tạo và việc ứng dụng công nghệ thông tin vào việc thu phí. Bộ máy quản lý nhà nước về BVMT tuy đã được tăng cường một bước, nhưng còn thiếu về số lượng và năng lực còn hạn chế. Do đó, kiện toàn bộ máy thu phí là giải pháp không thể thiếu trong tình hình hiện nay. Các Sở Tài nguyên và Môi trường có thể vận dụng linh hoạt các cơ chế quản lý tài nguyên tùy thuộc vào điều kiện cụ thể của địa phương mình để yêu cầu các doanh nghiệp phải nộp phí. Bên cạnh đó, Sở Tài nguyên và Môi trường cần đôn đốc các quận, huyện, thị xã thực hiện nghiêm túc việc thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp trên địa bàn theo phân cấp; tăng cường đôn đốc các cơ sở nộp phí, tránh thất thoát ngân sách nhà nước.

Thứ hai, cần phân công sự rõ ràng về mức phí, cách thu và có cơ chế cân bằng lợi ích doanh nghiệp. Giải pháp thu phí môi trường hiện nay còn nhiều bất cập về mức phí, cách thu và quyền lợi của doanh nghiệp (người trả phí). Đến nay, tại phần lớn các tỉnh, thành

phổ chưa ban hành các hướng dẫn cụ thể thực hiện giải pháp này. Do đó, cần xây dựng mức phí phù hợp hơn, trong đó làm rõ trách nhiệm của bên đóng phí và bên thu phí, cách tính phí và thu phí theo lượng, thành phần chất thải.

Thứ ba, nâng cao nhận thức của cộng đồng nói chung và của các đối tượng nộp phí nói riêng trong việc kê khai nộp phí BVMT. Các doanh nghiệp trốn tránh việc kê khai, trốn tránh nghĩa vụ nộp thuế, không đầu tư các trang thiết bị hiện đại BVMT là do chưa ý thức hết được tầm quan trọng của môi trường sống, chưa thấy được tác hại do môi trường ô nhiễm gây ra. Vì vậy, vấn đề giáo dục, nâng cao nhận thức về môi trường sống ngày càng đáng quan tâm hơn. Khi ý thức của người dân cũng như của cộng đồng các doanh nghiệp được nâng cao, chúng ta có thể tin tưởng vào một môi trường xanh sạch đẹp trong một tương lai không xa.

Thứ tư, học tập kinh nghiệm của nước ngoài trong việc tổ chức, thực hiện thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải. Nhiều nước trên thế giới đã thực hiện rất hiệu quả việc thu phí BVMT đối với nước thải. Từ góc độ nào đó, chúng ta cũng có thể học tập, và triển khai theo hướng phù hợp với nước ta. Ví dụ như ở Philippine đã quy định cụ thể các trường hợp xả nước thải vào các nguồn nước quan trọng của quốc gia, điển hình là việc bắt các nguồn xả thải vào hồ Laguna phải trả tiền. Việc thu phí này được giao cho một tổ chức có tính chất đặc thù có tên là LLDA — một cơ quan của chính phủ có quyền lực pháp định rất lớn trong việc quản lý hồ Laguna. LLDA có các quyền hạn: cấp các loại giấy phép liên quan đến vùng hồ Laguna (giấy phép xả thải vào nguồn nước, giấy phép sử dụng nguồn nước, giấy phép lưu thông trên hồ); Tổ chức thu các loại phí, lệ phí có liên quan đến nguồn nước. LLDA được phép sử dụng số phí, lệ phí thu được để phục vụ cho hoạt động của mình. Từ đó, thiết nghĩ nước ta cũng nên có sự phân bổ quản lý các nguồn nước quan trọng của quốc gia như các con sông lớn, các nguồn nước quan trọng cho dân cư để có những biện pháp kịp thời và cần thiết trong việc bảo vệ chúng.

Ngoài ra, chúng ta còn có thể thực hiện các biện pháp khác như xây dựng các mô hình tự chủ, tự quản về BVMT; tăng cường vai trò cộng đồng trong việc giám sát thực hiện các chủ trương, chính sách và pháp luật về BVMT nói chung và công tác thu phí nói riêng ở địa phương, cơ sở, nâng cao vai trò của cơ quan quản lý nhà nước ở địa phương để sử dụng phí BVMT một cách hiệu quả.

## 4. Kết luận

Phí BVMT đối với nước thải là một công cụ kinh tế hết sức hữu hiệu trong bảo vệ môi trường nói chung và bảo vệ nguồn nước nói riêng, là một bước tiến hết sức quan trọng trong công tác quản lý môi trường ở Việt Nam. Từ việc phân tích quy định của pháp luật môi trường Việt Nam cùng với những kiến nghị đưa ra, tác giả hy vọng công tác bảo vệ môi trường ngày càng được chú trọng, qua đó cùng nâng cao ý thức, trách nhiệm người dân và của toàn xã hội đối với vấn đề môi trường, đặc biệt là vấn đề nước thải.

## Tài liệu tham khảo

- Quốc hội (2014), Luật bảo vệ môi trường, Hà Nội.
- Chính phủ (2016), Nghị định số 154/ND-CP về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải, Hà Nội ngày 16 tháng 11 năm 2016.
- Kinh nghiệm của Philipin trong công tác bảo vệ môi trường. Link trang web: <http://vea.gov.vn/vn/truyenthong/tapchimt/nrtg/Document/43%20kinh%20nghiep%20cua%20Philipin%20tong%20cong%20tac%20BVMT.docx>